

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

TRẦN THỊ THÚY

HỒ CHÍ MINH LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN MỤC TIÊU
ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI
Ở VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1954 - 1969

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: HỒ CHÍ MINH HỌC

Mã số: 9310204

HÀ NỘI - 2026

**Công trình được hoàn thành tại
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

Người hướng dẫn khoa học: 1. TS. Phan Công Khanh

2. PGS.TS. Lý Việt Quang



Phản biện 1:

.....

Phản biện 2:

.....

Phản biện 3:

.....

**Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp học viện
hợp tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
vào hồi giờ..... ngày..... tháng..... năm 2026**

**Có thể tìm hiểu luận án tại: Thư viện Quốc gia
và Thư viện Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của luận án

Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là nội dung cốt yếu trong di sản tư tưởng Hồ Chí Minh, là hạt nhân chi phối toàn bộ cuộc đời hoạt động cách mạng của Người. Trong đó, giai đoạn 1954-1969 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đánh dấu sự phát triển và hoàn thiện quan trọng tư duy lý luận và phương pháp lãnh đạo của Hồ Chí Minh. Với tầm nhìn chiến lược, Người trực tiếp lãnh đạo thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc (cách mạng xã hội chủ nghĩa) và đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân). Những quyết định mang tính bước ngoặt và định hướng chiến lược của Người đã dẫn dắt cách mạng Việt Nam vượt qua mọi thử thách của lịch sử, những biến động của thời cuộc để đi đến thắng lợi.

Sau khi đất nước thống nhất, Đảng Cộng sản Việt Nam và nhân dân Việt Nam vẫn tiếp tục kiên định mục tiêu cách mạng Hồ Chí Minh lựa chọn và đã đạt được những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử, làm thay đổi căn bản, toàn diện cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế của đất nước. Tuy nhiên, thực tiễn thực hiện mục tiêu cách mạng Việt Nam trong thời gian vừa qua bên cạnh những thành tựu đạt được vẫn còn hạn chế, bất cập. Để góp phần khắc phục những hạn chế và giải đáp những vấn đề thực tiễn đang đặt ra, việc nghiên cứu tư tưởng, cuộc đời, sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong đó có nghiên cứu những hoạt động lãnh đạo thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969 của Hồ Chí Minh cần tiếp tục được tăng cường. Thông qua việc phân tích tư tưởng, cuộc đời, sự nghiệp, nhất là quá trình Hồ Chí Minh lãnh đạo thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội sẽ làm sáng tỏ thêm giá trị khoa học của tư tưởng và cống hiến của Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam. Đồng thời, những kết quả nghiên cứu, góp phần thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 35-NQ/TW của Bộ Chính trị *về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới*.

Đặc biệt, nghiên cứu những hoạt động lãnh đạo của Hồ Chí Minh trong thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969 còn có ý nghĩa quan trọng trong bối cảnh hiện nay. Tư duy chiến lược, phương pháp lãnh đạo và cách thức giải quyết các nhiệm vụ cách mạng của Người để lại vẫn còn nguyên giá trị đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới. Do đó, đề tài không chỉ giúp làm sáng tỏ một giai đoạn quan trọng trong lịch sử cách mạng Việt Nam mà còn góp phần khẳng định giá trị bền vững của tư tưởng Hồ Chí Minh và cống hiến vĩ đại của Hồ Chí Minh đối với sự phát triển của đất nước hiện nay.

Xuất phát từ tính cấp thiết và ý nghĩa quan trọng của những vấn đề nêu trên, Nghiên cứu sinh chọn vấn đề: ***“Hồ Chí Minh lãnh đạo thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969”*** làm đề tài luận án Tiến sĩ chuyên ngành Hồ Chí Minh học.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Làm rõ sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh trong thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969, từ đó luận giải giá trị của sự lãnh đạo đó trên cả phương diện lý luận và thực tiễn.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án.
- Làm rõ bối cảnh lịch sử và vai trò của Hồ Chí Minh trong lãnh đạo hoạch định đường lối thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969.
- Làm rõ vai trò của Hồ Chí Minh trong lãnh đạo tổ chức thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969.
- Phân tích các giá trị lý luận và thực tiễn sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh nhằm thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Vai trò Hồ Chí Minh trong quá trình lãnh đạo thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi nội dung: luận án tập trung nghiên cứu tư duy chiến lược và thực tiễn lãnh đạo của Hồ Chí Minh trong thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Vai trò lãnh đạo của Hồ Chí Minh trong thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam giai đoạn này rất phong phú, đa dạng. Trong phạm vi nghiên cứu của đề tài, Luận án tập trung luận giải thông qua vai trò hoạch định đường lối và tổ chức thực hiện đường lối trên các lĩnh vực chủ yếu của đời sống xã hội. Trên cơ sở đó, luận án làm rõ giá trị sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh trong thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969.
- Phạm vi thời gian: luận án tập trung nghiên cứu sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh trong thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam từ năm 1954 đến năm 1969, tức là từ khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết đến khi Người qua đời.
- Phạm vi không gian: ở Việt Nam.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án được thực hiện trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về vai trò của quần chúng nhân dân và cá nhân trong lịch sử; lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin và chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, tác giả kết hợp các phương pháp nghiên cứu, như: phương pháp lịch sử - lôgic trong trình bày, đánh giá, phân tích khách quan các sự kiện, hoạt động của Hồ Chí Minh để làm rõ vai trò lãnh đạo của Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam; phương pháp so sánh - đối chiếu để làm rõ vai trò và giá trị sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh trong thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969; đồng thời, sử dụng một số phương pháp cụ thể khác như: phương pháp phân tích - tổng hợp, phương pháp quy nạp - diễn dịch, phương pháp tổng kết thực tiễn, phương pháp nghiên cứu văn bản...

5. Những đóng góp mới về khoa học của luận án

- Luận án góp phần làm rõ bối cảnh lịch sử và sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh nhằm hoạch định đường lối thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969.

- Luận án bổ sung luận giải sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh trong tổ chức thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969.

- Luận án làm rõ hơn giá trị lý luận và thực tiễn sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh nhằm thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài nghiên cứu

6.1. Ý nghĩa lý luận

Luận án góp phần làm rõ sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh nhằm thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969 và giá trị lý luận của những hoạt động, cống hiến đó đối với cách mạng Việt Nam.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Kết quả nghiên cứu của đề tài cung cấp những luận cứ khoa học có giá trị cho việc tiếp tục vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa hiện nay.

Đề tài có thể được sử dụng để làm tài liệu tham khảo cho sinh viên ngành Hồ Chí Minh học, lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; tài liệu tham khảo trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng và đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Danh mục các công trình nghiên cứu của tác giả đã công bố liên quan đến luận án, Danh mục tài liệu tham khảo, luận án gồm có 4 chương, 8 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1.1. Những nghiên cứu liên quan đến tư tưởng Hồ Chí Minh về thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Nội dung nổi bật trong các công trình nghiên cứu nhóm này là các nhà khoa học đều thống nhất cho rằng, thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là nội dung cốt lõi, xuyên suốt trong tư tưởng và hoạt động của Hồ Chí Minh. Qua phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn cách mạng Việt Nam, các tác giả khẳng định tính đúng đắn về sự lựa chọn và lãnh đạo thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam của Hồ Chí Minh. Đồng thời, các công trình nghiên cứu đã luận giải các nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Những kết quả nghiên cứu tạo cơ sở lý luận quan trọng trên cơ sở đó luận án làm rõ những hoạt động lãnh đạo và vai trò lãnh đạo của Hồ Chí Minh trong thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969.

1.1.2. Những nghiên cứu liên quan đến sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh nhằm thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969

1.1.2.1. Những nghiên cứu liên quan đến bối cảnh lịch sử và vai trò của Hồ Chí Minh trong lãnh đạo hoạch định đường lối và tổ chức thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969

Những công trình nghiên cứu đã đề cập bối cảnh lịch sử tác động đến Hồ Chí Minh lãnh đạo thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969. Từ đó, khẳng định vai trò, cống hiến to lớn của Hồ Chí Minh trong lãnh đạo xây dựng đường lối, tổ chức thực hiện đường lối nhằm thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Các nhà khoa học dẫn chứng các hoạt động của Hồ Chí Minh trong lãnh đạo thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Toàn bộ tiểu mục này cung cấp cơ sở để luận án tiếp tục phân tích, làm rõ bối cảnh lịch sử và vai trò của Hồ Chí Minh trong lãnh đạo hoạch định đường lối và tổ chức thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969.

1.1.2.2. Những nghiên cứu liên quan đến giá trị sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh nhằm thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969

Các công trình nghiên cứu đã khẳng định giá trị của sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh nhằm thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Theo các tác giả, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là linh hồn, ngọn cờ thắng lợi

của cách mạng Việt Nam. Ngày nay, tư tưởng *Không có gì quý hơn độc lập, tự do* vẫn giữ nguyên giá trị và sức sống. Trên tất cả các lĩnh vực từ kinh tế, xã hội, giáo dục, y tế cho đến quốc phòng, an ninh và đối ngoại đều thấy rõ dấu ấn tư tưởng Hồ Chí Minh. Tổng hợp các công trình nghiên cứu tạo cơ sở quan trọng giúp luận án phân tích, làm rõ các giá trị lý luận và thực tiễn sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh nhằm thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969.

1.2. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA LUẬN ÁN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU

1.2.1. Đánh giá tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án

Thứ nhất, các nghiên cứu được tổng quan đã chỉ ra được bối cảnh lịch sử và ảnh hưởng của bối cảnh lịch sử đến hoạt động lãnh đạo thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam của Hồ Chí Minh.

Thứ hai, đã đề cập đến các hoạt động lãnh đạo hoạch định đường lối và tổ chức thực hiện đường lối cách mạng Việt Nam của Hồ Chí Minh.

Thứ ba, đã luận giải các giá trị lý luận và giá trị thực tiễn của sự lãnh đạo nhằm thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam của Hồ Chí Minh, trong đó có giai đoạn 1954-1969.

Thứ tư, số lượng các nghiên cứu đề cập đến hoạt động Hồ Chí Minh lãnh đạo thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969 còn khiêm tốn. Đặc biệt, chưa có công trình nào đi sâu nghiên cứu một cách có hệ thống về hoạt động Hồ Chí Minh lãnh đạo thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969.

Bởi vậy, có thể khẳng định rằng, đề tài luận án nghiên cứu sinh đang triển khai thể hiện rõ nét tính riêng biệt, tính mới và không trùng lặp với các công trình đã công bố.

1.2.2. Những vấn đề đặt ra luận án tiếp tục nghiên cứu

Trên cơ sở kế thừa các kết quả nghiên cứu của các tác giả đi trước, luận án sẽ tiếp tục nghiên cứu và giải quyết các nội dung sau:

Thứ nhất, làm rõ bối cảnh lịch sử tác động đến hoạt động lãnh đạo thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam của Hồ Chí Minh giai đoạn 1954-1969 và vai trò lãnh đạo của Hồ Chí Minh trong hoạch định đường lối cách mạng Việt Nam giai đoạn 1954-1969.

Thứ hai, phân tích một cách toàn diện và có hệ thống các hoạt động lãnh đạo tổ chức thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

giai đoạn 1954-1969 của Hồ Chí Minh trên các lĩnh vực cụ thể: về chính trị; về kinh tế; về văn hóa, con người; về quốc phòng, an ninh; về ngoại giao.

Thứ ba, làm rõ giá trị lý luận và thực tiễn sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh nhằm thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969.

Tiểu kết chương 1

Chương 1 đã hệ thống hóa và phân loại các công trình nghiên cứu liên quan đến hoạt động Hồ Chí Minh lãnh đạo thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969. Tổng quan cho thấy, bối cảnh lịch sử, vai trò hoạt động lãnh đạo của Hồ Chí Minh và giá trị sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh trong thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969. Chương cũng nhận diện được các khoảng trống nghiên cứu. Trên cơ sở tổng quan các công trình nghiên cứu, luận án không chỉ có ý nghĩa tiếp nối và kế thừa kết quả nghiên cứu đi trước, mà còn làm sáng rõ các hoạt động lãnh đạo thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam của Hồ Chí Minh trong một giai đoạn lịch sử đặc biệt quan trọng của dân tộc Việt Nam, qua đó đóng góp mới về mặt lý luận và thực tiễn trong nghiên cứu, vận dụng và phát triển sáng tạo những giá trị trong tư tưởng, phương pháp, phong cách lãnh đạo Hồ Chí Minh trong bối cảnh hiện nay.

Chương 2

BỐI CẢNH LỊCH SỬ VÀ VAI TRÒ LÃNH ĐẠO CỦA HỒ CHÍ MINH TRONG HOẠCH ĐỊNH ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1954-1969

2.1. BỐI CẢNH LỊCH SỬ

2.1.1. Tình hình thế giới

Thứ nhất, sau Chiến tranh thế giới thứ II, nhiều nước xã hội chủ nghĩa ra đời, chủ nghĩa xã hội từ một nước trở thành một hệ thống thế giới. Hệ thống xã hội chủ nghĩa đã trở thành một lực lượng có ảnh hưởng lớn đến tiến trình phát triển của xã hội loài người và thúc đẩy xu thế hòa bình, độc lập, dân chủ và chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới; là chỗ dựa mạnh mẽ của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ Latinh. Đặc biệt, những kinh nghiệm thành công trong xây dựng đất nước của các nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa nhất là Liên Xô và Trung Quốc đã có tác động trực tiếp và có tính chất quyết định đến sự hình thành tư tưởng, đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của Hồ Chí Minh và Đảng Lao động Việt Nam.

Thứ hai, cùng với sự lớn mạnh của hệ thống xã hội chủ nghĩa, phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh mẽ và thu được những thắng lợi quan trọng. Đặc biệt, trong giai đoạn này các dân tộc sau khi giành được độc lập, tuy khuynh hướng phát triển xã hội có khác nhau, nhưng đều có điểm chung là phát triển đất nước theo đường lối độc lập tự chủ và ủng hộ phong trào hòa bình, tiến bộ xã hội. Sự ra đời của các nước mới giành được độc lập (thoát khỏi chủ nghĩa thực dân cũ) trong điều kiện quốc tế lúc đó dẫn đến sự ra đời của “Phong trào không liên kết”. Phong trào này quy tụ được đông đảo các quốc gia mới giành được độc lập: *Lực lượng thế giới thứ ba*, do đó, cùng có tiếng nói chung với Việt Nam trong cuộc đấu tranh đòi hòa bình, độc lập, dân chủ và tiến bộ xã hội. Chính vì vậy, trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, Việt Nam nhận được sự ủng hộ to lớn về chính trị và tinh thần của phong trào.

Thứ ba, những năm 1954-1969 trên thế giới tiếp tục diễn ra Chiến tranh Lạnh giữa hai hệ thống xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa. Tuy nhiên, từ những năm 1950, quan hệ giữa hai siêu cường Liên Xô - Mỹ chuyển sang xu thế hòa hoãn tạm thời. Thời gian này Liên Xô đề cao khẩu hiệu: “Thi đua hòa bình”, “Chung sống hòa bình” trong hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa. Điều đó ảnh hưởng đến lập trường chung của các nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa, gây bất lợi cho cách mạng Việt Nam.

Thứ tư, tình hình thế giới thời kỳ này còn xuất hiện sự tác động bất lợi trong quan hệ giữa các nước xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là mối quan hệ bất đồng, rồi trở thành mâu thuẫn giữa Liên Xô và Trung Quốc. Sự bất hòa giữa các nước xã hội chủ nghĩa không chỉ làm suy yếu lực lượng cách mạng thế giới, gây bất lợi cho phong trào giải phóng dân tộc và phong trào đấu tranh vì hòa bình hữu nghị giữa các dân tộc, mà còn ảnh hưởng lớn đến công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà ở miền Nam, bởi sự đồng tình, ủng hộ, sự giúp đỡ to lớn của Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa vẫn là nhân tố rất quan trọng để nhân dân Việt Nam kháng chiến thắng lợi.

Thứ năm, những thành tựu trong nghiên cứu khoa học kỹ thuật với việc Liên Xô thử nghiệm thành công bom khinh khí (1953), phóng thành công vệ tinh nhân tạo Sputnik lên quỹ đạo trái đất (1957) mở ra một trang mới trong lịch sử chinh phục vũ trụ của loài người, làm cho nước Mỹ không còn là bất khả xâm phạm. Hồ Chí Minh nhận ra vai trò quyết định của khoa học kỹ thuật, giáo dục và con người trong xây dựng CNXH. Do đó, trong lãnh đạo, Người đặc biệt quan tâm đến bồi dưỡng, giáo dục thế hệ trẻ, đào tạo cán bộ kỹ thuật, phát triển khoa học - công nghệ, coi đó là nền tảng của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2.1.2. Tình hình trong nước

- Tình hình miền Bắc

Ở miền Bắc, chính quyền cách mạng thực hiện việc tiếp quản các vùng giải phóng trong điều kiện thuận lợi song cũng có nhiều khó khăn do hậu quả của chiến tranh tàn phá và chính sách cai trị thực dân sau gần một thế kỷ. Trong bối cảnh đó, ngay sau năm 1954, Đảng Lao động Việt Nam chủ trương thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, đưa miền Bắc đi lên chủ nghĩa xã hội.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong vòng 3 năm (1955-1957) miền Bắc hàn gắn xong những vết thương chiến tranh, khôi phục hầu hết các cơ sở nông nghiệp và công nghiệp. Từ năm 1957-1960, miền Bắc thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - văn hóa trong đó lấy cải tạo xã hội chủ nghĩa làm trung tâm và đạt được nhiều thành tựu trong công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa. Từ năm 1960-1965 miền Bắc thực hiện Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, thực chất đến năm 1964 kết thúc do đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh phá hoại ra miền Bắc, trong khoảng thời gian từ 1960-1964, miền Bắc bước đầu xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, thực hiện một bước công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

Những kết quả đạt được trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội tạo được một bầu không khí xã hội lành mạnh, phấn khởi trên miền Bắc xã hội chủ nghĩa và đồng bào hai miền Nam - Bắc. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc trong giai đoạn này bộc lộ một số sai lầm và yếu kém, đặc biệt là phạm phải nhiều sai lầm, yếu kém trong chỉ đạo thực hiện cải cách ruộng đất kết hợp với chỉnh đốn tổ chức.

Bên cạnh khó khăn do sai lầm trong cải cách ruộng đất, công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc còn gặp nhiều khó khăn - đó là khó khăn lớn trên bước đường phát triển của cách mạng như trình độ quản lý kinh tế còn hạn chế, tinh thần trách nhiệm chưa thật cao, chất lượng sản phẩm chưa thật tốt, tệ quan liêu, lãng phí, tham ô còn nhiều v.v..

Trên cơ sở đánh giá khuyết điểm, sai lầm trong việc thực hiện kế hoạch khôi phục và phát triển kinh tế, Đảng Lao động Việt Nam và Hồ Chí Minh vừa lãnh đạo xây dựng đường lối, vừa lãnh đạo thực hiện cuộc vận động về cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật; nâng cao tinh thần trách nhiệm, tăng cường quản lý kinh tế tài chính, cải tiến kỹ thuật, chống tham ô, lãng phí, quan liêu; vận động đồng bào miền xuôi đi tham gia phát triển kinh tế và văn hóa ở miền núi. Đặc biệt, những chủ trương kịp thời, thực tế của Đảng và Hồ Chí Minh được thể hiện trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ 11 khóa II (12-1956), Nghị quyết Hội nghị lần thứ 12 khóa II (3-1957), Nghị quyết Hội nghị lần thứ 13 khóa II (12-1957) có ảnh hưởng

tích cực đến đời sống kinh tế và chính trị của xã hội. Nhờ đó, ngành công nghiệp, thủ công nghiệp được phục hồi nhanh chóng; nông nghiệp phát triển nhanh, liên tục được mùa, lương thực không những không phải nhập khẩu mà còn có gạo để xuất khẩu; các ngành văn hóa, giáo dục, y tế phát triển nhanh chóng. Vì vậy, dù cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội lần đầu được hiện thực hóa ở miền Bắc, song, những giá trị ưu việt của chủ nghĩa xã hội đã được định hình và hiện rõ trong đời sống mỗi người dân.

- Tình hình miền Nam

Ở miền Nam, theo điều 7 của Tuyên bố cuối cùng và điểm c điều 14 của Hiệp định đình chỉ chiến sự ở Việt Nam được ký kết tại Hội nghị Giơnevơ năm 1954 quy định cuộc tổng tuyển cử tự do nhằm thống nhất đất nước sẽ được tiến hành vào tháng 7-1956. Tuy nhiên, đế quốc Mỹ với âm mưu chia cắt lâu dài Việt Nam, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới đã nhanh chóng đưa Ngô Đình Diệm lên làm thủ tướng, lập ra một chính quyền tay sai của Mỹ tại đây. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ngô Đình Diệm và được sự hậu thuẫn của đế quốc Mỹ, chính quyền Ngô Đình Diệm đã lộ rõ bộ mặt xâm lược và bán nước với những hành động phản cách mạng cực kỳ tàn ác.

Chính sách phát xít độc tài của chính quyền Ngô Đình Diệm và can thiệp của đế quốc Mỹ làm cho không khí ở miền Nam càng thêm ngột ngạt, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân miền Nam càng thêm cơ cực, tình hình miền Nam càng thêm rối loạn liên miên. Trước tình hình đó, Đảng Lao động Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận thấy, không thể trông chờ vào tổng tuyển cử mà phải chủ động trên con đường đấu tranh cách mạng để giải phóng miền Nam, kiên quyết chống lại sự can thiệp của đế quốc Mỹ và chính sách phát xít độc tài của chính quyền Ngô Đình Diệm.

Dưới sự chủ trì của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tháng 01-1959, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp *Hội nghị lần thứ 15 (mở rộng) về tăng cường đoàn kết, kiên quyết đấu tranh giữ vững hòa bình, thực hiện thống nhất nước nhà*. Sau khi phân tích đặc điểm tình hình Việt Nam từ khi hòa bình được lập lại và xác định nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam, Hội nghị tập trung bàn về *Đường lối cách mạng Việt Nam ở miền Nam*.

Trên định hướng của Hội nghị lần thứ 15, nhân dân ở miền Nam vùng dậy làm nên phong trào Đồng khởi. Thắng lợi của phong trào Đồng khởi đã đưa cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng chuyển sang thế tiến công mạnh mẽ, rộng khắp, liên tục và tạo ra một bước ngoặt có ý nghĩa chiến lược làm thay đổi cục diện ở miền Nam, là một đòn bất ngờ giáng vào chiến lược Aixenhao, làm thất bại một hình thức điển hình của chủ nghĩa thực dân kiểu mới của Mỹ.

Những thành tựu nhân dân miền Bắc đạt được trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội làm gia tăng sự lo lắng của đế quốc Mỹ và tay sai cùng với thất bại nặng nề trong “chiến tranh đặc biệt”, chính quyền Ngô Đình Diệm lâm vào tổng khủng hoảng triền miên. Nghiên cứu tình hình, Nhà Trắng và Lầu Năm Góc cho rằng, nguyên nhân của mọi thất bại của chiến lược “chiến tranh đặc biệt” đều được Mỹ quy kết là do Bắc Việt Nam. Do đó, để cứu vãn tình hình, đế quốc Mỹ trắng trợn đưa hàng trăm nghìn quân viễn chinh Mỹ và chư hầu trực tiếp xâm lược miền Nam; gây chiến tranh phá hoại tàn khốc đối với miền Bắc. Trước tình hình đó, Đảng và Hồ Chí Minh quyết định nhanh chóng chuyển hướng nền kinh tế miền Bắc từ trạng thái thời bình sang thời chiến, tăng cường công tác phòng thủ, bảo vệ miền Bắc, mở rộng các lực lượng vũ trang theo kế hoạch xây dựng lực lượng thời chiến, phát huy vai trò miền Bắc là hậu phương lớn chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam. Thực hiện nhiệm vụ chiến lược “vừa sản xuất, vừa chiến đấu”, đồng thời, phải làm tròn nghĩa vụ hậu phương lớn “thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”, “Một người làm việc bằng hai vì miền Nam ruột thịt”...

Ngày 10-4-1965, tại Kỳ họp thứ hai, Quốc hội khóa III nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định quyết tâm đánh Mỹ và thắng Mỹ. Khắp mọi miền đất nước, nhân dân và các lực lượng vũ trang Việt Nam đều hạ quyết tâm chống đế quốc Mỹ. Các chiến dịch tiêu diệt quân Mỹ và chư hầu với quy mô lớn diễn ra rộng khắp, đặc biệt mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968, quân và dân miền Nam đồng loạt tiến công và nổi dậy đánh vào hầu hết cơ quan đầu não trung ương, địa phương của Mỹ - nguy. Trước thất bại liên tiếp của các chiến lược ở hai miền Việt Nam, Giôn-xơn phải xuống thang, chấm dứt không điều kiện ném bom, bắn phá miền Bắc. Từ ngày 13-5-1968, Hội nghị Pari giữa phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mỹ chính thức bắt đầu tại Trung tâm Hội nghị quốc tế, phố Kléber ở Thủ đô Pari (Cộng hòa Pháp). Từ ngày 25-1-1969, diễn ra Hội nghị đàm phán giữa bốn bên: Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (Sau đổi là Đoàn đại biểu Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam), Mỹ và Việt Nam Cộng hòa.

2.2. HỒ CHÍ MINH LÃNH ĐẠO HOẠCH ĐỊNH ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1954-1969

2.2.1. Hồ Chí Minh lãnh đạo xác định mục tiêu, nhiệm vụ cách mạng Việt Nam giai đoạn 1954-1969

Về mục tiêu: Hồ Chí Minh và Đảng Lao động Việt Nam tiếp tục thực hiện mục tiêu Đảng đã xác định từ khi Đảng vừa mới ra đời: làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản, tức là thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Về phương hướng: tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng ở hai miền. Miền Bắc tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa, miền Nam tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Hai miền thực hiện hai chiến lược cách mạng nhưng đều có một mục tiêu chung.

Về nhiệm vụ chung của cách mạng Việt Nam: Tăng cường đoàn kết toàn dân, kiên quyết đấu tranh để giữ vững hoà bình; thực hiện thống nhất đất nước trên cơ sở độc lập và dân chủ, hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước; ra sức củng cố miền Bắc và đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội; xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh; tích cực góp phần bảo vệ hoà bình ở Đông Nam Á và thế giới.

Về nhiệm vụ cụ thể của mỗi miền: cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc củng cố và phát huy thắng lợi đã giành được và xây dựng cơ sở vững chắc để thực hiện thống nhất đất nước. Cách mạng miền Nam tiếp tục cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đánh đổ chế độ đế quốc và nửa phong kiến ở miền Nam để thực hiện thống nhất đất nước.

Khi đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh phá hoại bằng không quân đối với miền Bắc và tăng cường đưa các đơn vị chiến đấu của Mỹ vào miền Nam. Hồ Chí Minh khẳng định nhiệm vụ chống Mỹ, cứu nước là nhiệm vụ thiêng liêng của cả dân tộc, của nhân dân Việt Nam từ Nam chí Bắc. Trong đó, *nhiệm vụ của nhân dân miền Bắc* là phát huy đến cao độ tác dụng hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn là miền Nam. *Nhiệm vụ của nhân dân miền Nam* là kiên quyết chiến đấu tiêu diệt đế quốc Mỹ và tay sai để giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc.

2.2.2. Hồ Chí Minh lãnh đạo xác định biện pháp thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ cách mạng Việt Nam giai đoạn 1954-1969

Cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ đề ra, Hồ Chí Minh lãnh đạo xác định biện pháp thực hiện phù hợp tình hình mới trên hai hoạt động chủ yếu: đối nội và đối ngoại. *Về đối nội:* Đoàn kết toàn dân, thi đua sản xuất, làm cho nhân dân ấm no, đất nước giàu mạnh, đồng thời đấu tranh vì hòa bình, thống nhất, độc lập và dân chủ. *Về đối ngoại:* Đoàn kết chặt chẽ với nhân dân các nước bạn, nhân dân hai nước Cao Miên, Lào, nhân dân châu Á, nhân dân Pháp và nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới; và thực hiện 5 nguyên tắc lớn chung sống hòa bình. Những hoạt động đối nội, đối ngoại đều nhằm một mục tiêu chung: hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, giàu mạnh.

Tiểu kết chương 2

Chương 2 làm rõ bối cảnh tình hình thế giới và tình hình trong nước tác động đến hoạt động lãnh đạo thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969 của Hồ Chí Minh. Làm rõ vai trò Hồ Chí Minh lãnh đạo xác định mục tiêu, nhiệm vụ cách mạng Việt Nam giai đoạn 1954-

1969; lãnh đạo xác định biện pháp thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ cách mạng Việt Nam giai đoạn 1954-1969. Trên cơ sở đó, luận án phân tích, luận giải hoạt động tổ chức thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969 của Hồ Chí Minh trong chương 3.

Chương 3

HỒ CHÍ MINH LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC THỰC HIỆN MỤC TIÊU ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1954-1969

3.1. HỒ CHÍ MINH LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC THỰC HIỆN MỤC TIÊU ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM NHỮNG NĂM 1954-1964

3.1.1. Về chính trị

3.1.1.1. Chăm lo xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh toàn diện

Thứ nhất, chăm lo xây dựng Đảng về tư tưởng.

Thứ hai, chăm lo xây dựng Đảng về chính trị.

Thứ ba, chăm lo xây dựng Đảng về tổ chức.

3.1.1.2. Xây dựng và củng cố Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân

Thứ nhất, xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

Thứ hai, củng cố và hoàn thiện tổ chức bộ máy nhà nước đảm bảo tất cả quyền lực thuộc về Nhân dân.

Thứ ba, chỉ đạo xây dựng và thi hành pháp luật, giữ vững kỷ cương và trật tự xã hội.

3.1.1.3. Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc

Thứ nhất, xác định các nguyên tắc làm cơ sở cho việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

Thứ hai, tích cực tuyên truyền, giải thích, hướng dẫn các đơn vị, địa phương trong thực hành đoàn kết.

Thứ ba, dành sự quan tâm đến việc xây dựng và củng cố các tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên và Hội phụ nữ, coi đó là nhân tố quan trọng góp phần tăng cường sức mạnh của Mặt trận.

Thứ tư, khi đế quốc Mỹ và tay sai phá hoại việc thi hành Hiệp định Giơnevơ và công cuộc đấu tranh giành thống nhất đất nước ở miền Nam cần được mở rộng, Người chỉ đạo thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất ở miền Nam với tên gọi Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (1960).

3.1.2. Về kinh tế

3.1.2.1. Lãnh đạo khôi phục và phát triển kinh tế (1955-1957)

Thứ nhất, tiếp tục cải cách ruộng đất, thực hiện chủ trương người cày có ruộng.

Thứ hai, tổ chức lại lối làm ăn ở nông thôn, trước mắt là phát triển rộng khắp tổ đổi công.

Thứ ba, quan tâm đến sản xuất công nghiệp.

Thứ tư, quan tâm đến ngành thương nghiệp. Khuyến khích các nhà công thương tiếp tục kinh doanh, buôn bán.

3.1.2.2. Lãnh đạo thực hiện kế hoạch ba năm phát triển và cải tạo kinh tế quốc dân (1958-1960)

Trên cơ sở những kết quả đạt được, căn cứ vào thực tiễn và yêu cầu của bước đầu thực hiện nhiệm vụ phát triển và cải tạo kinh tế quốc dân, Bộ Chính trị chủ trương kế hoạch dài hạn đầu tiên trong ba năm, từ năm 1958 đến năm 1960.

Nhiệm vụ của kế hoạch ba năm 1958-1960 là đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế cá thể của nông dân, thợ thủ công và thành phần kinh tế tư bản tư doanh; đồng thời mở mang và tăng cường lực lượng của thành phần kinh tế quốc doanh tạo cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội. Trong triển khai, Người yêu cầu, cải tạo phải gắn liền với xây dựng, trong đó xây dựng là chủ chốt và lâu dài và được tiến hành trên tất cả các mặt: lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất, khoa học kỹ thuật, văn hóa tư tưởng.

Xuất phát từ điều kiện thực tế, Người cho rằng khâu chính thúc đẩy công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc là tiến hành phong trào hợp tác hóa trong nông nghiệp đưa nông dân làm ăn riêng lẻ đi dần từ tổ đổi công (có mầm mống xã hội chủ nghĩa), tiến lên hợp tác xã cấp thấp (nửa xã hội chủ nghĩa), rồi tiến lên hợp tác xã cấp cao (xã hội chủ nghĩa).

Cùng với việc coi trọng vấn đề hợp tác hóa nông nghiệp, Hồ Chí Minh chú trọng vấn đề cải tạo các thành phần kinh tế khác theo hướng đi lên chủ nghĩa xã hội.

3.1.2.3. Lãnh đạo thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965)

Thứ nhất, quan tâm phát triển nông nghiệp, trong đó, thẳng thắn chỉ ra những hạn chế của phong trào hợp tác hóa và nguyên nhân, biện pháp khắc phục.

Thứ hai, quan tâm phát triển công nghiệp và chỉ rõ vai trò quyết định của công nghiệp đối với nền kinh tế quốc dân. Chú trọng phát triển công nghiệp, song cũng lưu ý phải đảm bảo sự cân đối giữa thực hiện công nghiệp hóa với đời sống của nhân dân.

Thứ ba, quan tâm đến xây dựng ngành thương nghiệp thực sự trở thành đòn bẩy kinh tế làm tốt vai trò giao lưu kinh tế giữa công nghiệp và nông nghiệp, sản xuất với tiêu dùng, địa phương với trung ương, trong nước với nước ngoài.

3.1.3. Về văn hóa, con người

3.1.3.1. Tổ chức khôi phục mọi hoạt động văn hóa

Thứ nhất, tiếp tục thanh toán nạn mù chữ đã được triển khai từ sau Cách mạng tháng Tám.

Thứ hai, quan tâm đến nâng cao trình độ văn hóa cho nhân dân.

Thứ ba, quan tâm tới văn học nghệ thuật.

3.1.3.2. Xây dựng nền văn hóa, con người mới xã hội chủ nghĩa

Thứ nhất, quan tâm đến phát huy nhân tố con người và xây dựng con người mới trong cải tạo và xây dựng xã hội mới.

Thứ hai, phát triển ngành y tế, phòng bệnh và kêu gọi nhân dân luyện tập thể dục thể thao để bảo vệ và nâng cao sức khỏe.

Thứ ba, phát triển văn hóa giáo dục và coi đây là một mặt trận quan trọng trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thực hiện thống nhất đất nước.

Thứ tư, xây dựng và phát triển các hoạt động văn học - nghệ thuật hướng tới phục vụ đại đa số nhân dân.

Thứ năm, xây dựng nếp sống mới, đời sống mới ở trong nhân dân.

3.1.4. Về quốc phòng, an ninh

3.1.4.1. củng cố lực lượng quốc phòng, an ninh, giữ gìn trật tự trị an, sẵn sàng chiến đấu

Thứ nhất, quan tâm xây dựng quân đội mạnh.

Thứ hai, đẩy mạnh phong trào thi đua trong quân đội, thi đua để làm tròn nhiệm vụ bảo vệ biên giới, bảo vệ bờ biển, bảo vệ thành thị và giữ gìn trật tự an ninh cho nhân dân.

Thứ ba, quan tâm đến xây dựng lực lượng công an.

Thứ tư, quan tâm đến chính sách tôn giáo, giữ bí mật nhà nước, quan tâm phát triển miền núi, cải thiện sinh hoạt của đồng bào các vùng dân tộc thiểu số.

3.1.4.2. Tổ chức phong trào đấu tranh yêu nước của đồng bào miền Nam

Thứ nhất, vạch trần những âm mưu và hành động của đế quốc Mỹ và tay sai, từ đó chỉ rõ nhiệm vụ thiêng liêng của nhân dân cả nước kiên quyết đấu tranh thực hiện Hiệp định Giơnevơ.

Thứ hai, chỉ đạo, động viên đồng bào miền Bắc cố gắng thi đua, củng cố miền Bắc vững mạnh để chiếu cố miền Nam.

Thứ ba, chỉ đạo cách mạng miền Nam chuyển hướng từ đấu tranh chính trị sang đấu tranh vũ trang dưới nhiều hình thức nhằm phá thế kìm kẹp của đế quốc Mỹ và tay sai.

3.1.5. Về đối ngoại

3.1.5.1. *Củng cố và phát triển quan hệ với Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa*

Chăm lo củng cố tình đoàn kết hữu nghị giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân Liên Xô, Trung Quốc, các nước xã hội chủ nghĩa và phát triển kinh tế - văn hóa với các nước bạn.

Năm 1955, Chủ tịch Hồ Chí Minh dẫn đầu đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ Việt Nam lên đường đi thăm Liên Xô, Trung Quốc và Mông Cổ. Năm 1957, Chủ tịch Hồ Chí Minh dẫn đầu đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ Việt Nam lên đường đi thăm 9 nước anh em: Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên, Tiệp Khắc, Ba Lan, Cộng hòa Dân chủ Đức, Hungari, Nam Tư, Anbani, Bungari và Rumani.

Các cuộc đi thăm đã thu được kết quả rất tốt đẹp, *trước hết* là phát triển và củng cố thêm tình hữu nghị giữa Việt Nam và các nước; *thứ hai*, làm cho nhân dân Việt Nam cũng như nhân dân các nước thêm phấn khởi; *thứ ba*, nâng cao thêm nữa địa vị quốc tế của Việt Nam; *thứ tư*, tăng cường sự hiểu biết giữa Việt Nam và các nước; *thứ năm*, góp phần thắt chặt thêm tình đoàn kết giữa các nước trong đại gia đình xã hội chủ nghĩa; *thứ sáu*, tăng cường sự hợp tác kinh tế và văn hóa giữa nhân dân Việt Nam và nhân dân các nước.

3.1.5.2. *Củng cố và mở rộng quan hệ với các nước láng giềng*

Người luôn nhấn mạnh ý nghĩa và tầm quan trọng của tình đoàn kết quốc tế giữa nhân dân ba nước Đông Dương trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước.

Bên cạnh đó, quan tâm chú ý đến việc mở rộng quan hệ hữu nghị với các nước dân chủ, các nước trong khu vực Á - Phi, đặc biệt là quan hệ với hai nước lớn ở châu Á là Ấn Độ và Indônêxia, những sáng lập viên của *Phong trào không liên kết*.

3.1.5.3. *Tham gia các hoạt động của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, đặc biệt là kêu gọi giải quyết bất đồng, đề cao tinh thần đoàn kết nhất trí giữa các đảng cộng sản*

Thứ nhất, chủ động dàn xếp, mong muốn thu hẹp mọi bất đồng giữa hai nước Liên Xô và Trung Quốc.

Thứ hai, dẫn đầu đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ Việt Nam sang dự lễ kỷ niệm 40 năm Cách mạng Tháng Mười, dự Hội nghị các Đảng Cộng sản và Công nhân trên thế giới họp tại Mátxcova từ ngày 14 đến ngày 19-11-1957 và có những đóng góp tích cực vào việc tổng kết những vấn đề chiến lược, sách lược của cách mạng thế giới, xác định quy luật phổ biến của cách mạng xã hội chủ nghĩa, sự cần thiết phải tăng cường sự đoàn kết của phong trào cộng sản quốc tế.

Thứ ba, lên tiếng yêu cầu các nước giữ vững và tăng cường sự đoàn kết nhất trí, cùng nhau chung sức phấn đấu cho tương lai tươi sáng của cả loài người.

Thứ tư, đón tiếp, gặp gỡ, hội đàm và ký Tuyên bố chung với những nguyên thủ các nước xã hội chủ nghĩa đến thăm.

3.2. HỒ CHÍ MINH LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC THỰC HIỆN MỤC TIÊU ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM NHỮNG NĂM 1965-1969

3.2.1. Về chính trị

Thứ nhất, quan tâm xây dựng Đảng và chỉnh đốn đảng, bồi dưỡng phẩm chất đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên.

Thứ hai, xây dựng và giữ bộ máy Nhà nước trong sạch, vững mạnh.

Thứ ba, tiếp tục củng cố và mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

3.2.2. Về kinh tế

Thực hiện sự chỉ đạo của Đảng và Hồ Chí Minh, từ đầu năm 1965, cả miền Bắc nhanh chóng chuyển sang thời chiến với quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược và tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội, sẵn sàng chi viện cho miền Nam.

Về nông nghiệp, động viên, khích lệ hợp tác xã, cán bộ và xã viên các hợp tác xã có thành tích trong sản xuất và chiến đấu. Kêu gọi các hợp tác xã đẩy mạnh cuộc vận động “5 tấn một hécta”.

Về công nghiệp, chủ trương tiếp tục đẩy mạnh sản xuất công nghiệp, nhất là công nghiệp nhẹ và công nghiệp địa phương. Công nghiệp nặng vẫn được tiếp tục phát triển, đặt biệt là ngành than.

3.2.3. Về văn hóa, con người

Thứ nhất, xác định con người là nhân tố quyết định thắng lợi, Người kêu gọi và cổ vũ mọi tầng lớp nhân dân và cán bộ các cơ quan giáo dục tinh thần yêu nước đặc biệt là gương cao ngạo cò chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam, vượt mọi khó khăn, gian khổ, chiến đấu dũng cảm, lập nhiều chiến công oanh liệt và thành tích vẻ vang.

Thứ hai, giáo dục vẫn được tiếp tục quan tâm.

Thứ ba, quan tâm tới công tác tuyên truyền, đặc biệt là những người làm báo.

Thứ tư, hướng dẫn các hoạt động văn học - nghệ thuật nhằm phục vụ kháng chiến chống giặc Mỹ xâm lược.

Thứ năm, dành thời gian để xuất bản và tuyên truyền loại sách *người tốt, việc tốt*.

3.2.4. Về quốc phòng, an ninh

Thứ nhất, lãnh đạo nhân dân kiên quyết đấu tranh chống giặc Mỹ xâm lược, song Người cũng cố gắng nhằm đạt tới một giải pháp chính trị cho vấn đề miền Nam.

Thứ hai, đề ra quyết định mang tính bước ngoặt, chuyển hướng hoạt động của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân để chủ động đối phó với hoạt động leo thang chiến tranh (chiến tranh cục bộ ở miền Nam, mở rộng chiến tranh ra miền Bắc) của đế quốc Mỹ với khẩu hiệu trong tâm là “Xây dựng và bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam”, đưa cách mạng Việt Nam bước vào giai đoạn phát triển mới.

Thứ ba, lãnh đạo và động viên quân dân miền Nam mở hàng loạt trận phản công, làm phá sản hoàn toàn kế hoạch “tìm diệt” và “bình định” của đế quốc Mỹ và tay sai trong mùa khô 1966-1967.

Thứ tư, quyết định dùng phương pháp tổng công kích và tổng khởi nghĩa nhằm tiêu diệt và làm tan rã đế quốc Mỹ và tay sai, giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân, đập tan ý chí chiến lược của đế quốc Mỹ và tay sai.

Thứ năm, kêu gọi nhân dân miền Bắc quyết tâm vượt mọi khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ và ủng hộ miền Nam theo tinh thần “Mỗi người làm việc bằng hai để đền đáp cho đồng bào miền Nam ruột thịt”.

Thứ sáu, đề chủ động ứng phó với chiến tranh bằng không quân và hải quân của đế quốc Mỹ ở miền Bắc, Người thường xuyên đến thăm và nói chuyện với các lực lượng trong quân đội.

Thứ bảy, đề bảo vệ tính mạng và tài sản cho người dân, Người thường xuyên nhắc nhở mỗi một đảng viên, mỗi một chi bộ, mỗi một cơ quan phải có trách nhiệm, phải bảo vệ chu đáo tính mệnh và tài sản của đồng bào, phải quan tâm việc phòng không sơ tán và củng cố hầm hào.

Thứ tám, đảm bảo sự chi viện của miền Bắc đối với miền Nam, Người chỉ đạo ngành giao thông vận tải hoàn thành tốt nhiệm vụ thiêng liêng.

3.2.5. Về đối ngoại

Thứ nhất, đối với Liên Xô, Người bày tỏ lòng biết ơn và sự trân trọng tình cảm và sự giúp đỡ to lớn của lãnh đạo Đảng, Nhà nước và nhân dân Liên Xô đối với cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược của nhân dân Việt Nam. Để giúp Liên Xô hiểu rõ hơn về cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam và bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đối với Đảng và nhân dân Liên Xô, Hồ Chí Minh cử các đoàn đại biểu cấp cao của Đảng và Nhà nước Việt Nam sang Liên Xô. Bên cạnh đó, Người chỉ đạo việc mời và đón tiếp thân tình nhiều đoàn đại biểu cấp cao của Đảng, Nhà nước Liên Xô sang thăm Việt Nam.

Thứ hai, đối với Trung Quốc, để cảm ơn sự giúp đỡ to lớn của Trung Quốc và củng cố hơn nữa mối quan hệ hữu nghị, đoàn kết Việt - Trung, Hồ Chí Minh có các chuyến thăm chính thức và không chính thức tại Trung Quốc.

Thứ ba, quan tâm ủng hộ, động viên và vun đắp tình hữu nghị của nhân dân ba nước Đông Dương trong cuộc chiến đấu chống đế quốc Mỹ xâm lược.

Thứ tư, là chiến sĩ cộng sản quốc tế, Hồ Chí Minh luôn quan tâm và giành sự ủng hộ phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc, các cuộc kháng chiến bảo vệ độc lập, chủ quyền dân tộc và lên án các hành động can thiệp, xâm lược của chủ nghĩa đế quốc.

Thứ năm, tiến hành xây dựng các mối quan hệ rộng rãi với nhiều quốc gia, nhiều tổ chức quốc tế, nhiều nhân sĩ, trí thức, chính khách, nhà văn hóa có tên tuổi để hình thành một mặt trận nhân dân thế giới ủng hộ nhân dân Việt Nam chống Mỹ xâm lược.

Tiểu kết chương 3

Chương 3 đã phân tích toàn diện các hoạt động tổ chức thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969 của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Hoạch định đường lối cách mạng đúng đắn cho mỗi miền là vấn đề rất khẩn, song, để hiện thực hóa đường lối đó và kết hợp nhiệm vụ cách mạng hai miền với hai nội dung khác nhau nhưng vì một mục tiêu chung lại càng khó khăn hơn vì chưa có tiền lệ. Lãnh đạo đất nước thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong giai đoạn đầy khó khăn, thách thức, Hồ Chí Minh từng bước hiện thực hóa mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, dẫn dắt toàn Đảng, toàn dân, toàn quân tiến lên giành những thắng lợi có ý nghĩa quyết định. Mỗi bước đi lên của cách mạng Việt Nam, của Đảng trong giai đoạn 1954-1969 đều gắn liền với sự lãnh đạo đúng đắn, kiên quyết và sáng tạo của Hồ Chí Minh.

Chương 4

GIÁ TRỊ SỰ LÃNH ĐẠO CỦA HỒ CHÍ MINH NHẪM THỰC HIỆN MỤC TIÊU ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1954-1969

4.1. GIÁ TRỊ LÝ LUẬN

4.1.1. Kế thừa và phát triển chủ nghĩa yêu nước Việt Nam trong bối cảnh mới - yêu nước gắn liền với yêu chủ nghĩa xã hội

Thứ nhất, yêu Tổ quốc, yêu nhân dân phải gắn liền với yêu chủ nghĩa xã hội, vì chỉ có tiến lên chủ nghĩa xã hội thì nhân dân mới được ấm no, Tổ quốc mới được giàu mạnh.

Thứ hai, yêu nước phải có hành động cụ thể, thiết thực, hiệu quả chứ không phải nói suông. Trong kháng chiến chống giặc ngoại xâm, yêu nước là cố gắng

đấu tranh chống giặc xâm lược, trong điều kiện hòa bình yêu nước thể hiện ở hiệu quả công việc, ở năng suất lao động.

Thứ ba, định hình những giá trị mới về chủ nghĩa yêu nước của con người Việt Nam thể hiện ở tinh thần *Không có gì quý hơn độc lập, tự do*; khi đất nước được độc lập thì phải làm cho nhân dân lao động thoát khỏi nạn bần cùng, làm cho mọi người có công ăn việc làm được ấm no và sống một đời hạnh phúc.

Thứ tư, khơi dậy và phát huy mạnh mẽ tinh thần yêu nước của nhân dân thông qua các phong trào thi đua yêu nước phù hợp với từng giai đoạn lịch sử.

4.1.2. Bổ sung và phát triển sáng tạo lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội

Thứ nhất, Hồ Chí Minh và Đảng đưa ra một quyết định mang tính sáng tạo đặc biệt: tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược cách mạng khác nhau ở hai miền đất nước với hai quy luật khác nhau. Miền Bắc - nơi đã hoàn thành cách mạng giải phóng dân tộc - quá độ lên chủ nghĩa xã hội, giữ vai trò hậu phương lớn, quyết định nhất đối với toàn bộ sự nghiệp cách mạng cả nước. Miền Nam - nơi vẫn còn nằm dưới ách thống trị của đế quốc Mỹ và tay sai - tiếp tục thực hiện cách mạng giải phóng dân tộc, giữ vai trò tiền tuyến lớn, trực tiếp quyết định việc thống nhất đất nước.

Thứ hai, điểm sáng tạo nổi bật trong tư duy của Hồ Chí Minh không chỉ nằm ở việc xác định đúng nhiệm vụ cách mạng của từng miền, mà còn ở chỗ lãnh đạo hai miền thực hiện hai nhiệm vụ cách mạng khác nhau nhưng không triệt tiêu nhau ngược lại tạo động lực cho nhau.

Thắng lợi của cách mạng Việt Nam góp phần làm phong phú thêm quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin về tính tất yếu đi lên chủ nghĩa xã hội và chứng tỏ rằng, trong điều kiện một nước lạc hậu nghèo nàn, bị chiến tranh tàn phá vẫn có thể đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, giành độc lập cho dân tộc nếu có đường lối đúng đắn, có sự ủng hộ của toàn dân và bè bạn quốc tế.

4.1.3. Bổ sung và phát triển sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp

Hồ Chí Minh đã xử lý mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp, giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội một cách linh hoạt, không giáo điều, không cực đoan.

Ở miền Bắc, Người xác định rõ: Cách mạng giải phóng dân tộc phải phát triển thành cách mạng xã hội chủ nghĩa thì mới giành được thắng lợi hoàn toàn.

Ở miền Nam, Người lên án, tố cáo, kêu gọi đồng bào cả nước quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược nhằm xóa bỏ ách áp bức bóc lột của đế quốc, tay sai, giành độc lập dân tộc, thống nhất đất nước, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Việc giải quyết đúng đắn, biện chứng mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp, giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong giai đoạn 1954-1969 của Hồ Chí Minh đã tạo nên sức mạnh to lớn, quy tụ được mọi tầng lớp nhân dân tham gia vào sự nghiệp cách mạng, góp phần bổ sung và phát triển sáng tạo lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin trong điều kiện một nước thuộc địa phong kiến, phải đồng thời giải quyết những nhiệm vụ lịch sử đan xen, phức tạp.

4.1.4. Căn bản hoàn thiện tư tưởng về con đường cách mạng Việt Nam - nền tảng tư tưởng cho việc thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay

Trước năm 1954, độc lập dân tộc được coi là mục tiêu trực tiếp, trước mắt, còn đi lên chủ nghĩa xã hội chỉ mới mang tính chất định hướng. Khi miền Bắc hoàn toàn giải phóng và tiến lên chủ nghĩa xã hội, các quan điểm của Người về chủ nghĩa xã hội lần đầu tiên được thực hiện trên mảnh đất hiện thực. Chính thực tiễn phong phú trong hoạt động lãnh đạo thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969 đã góp phần hoàn thiện tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường cách mạng Việt Nam: độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Ngay từ năm 1955, Người đã chỉ cho toàn Đảng, toàn dân thấy rõ: “Miền Bắc là nền tảng, là gốc rễ của lực lượng đấu tranh của nhân dân”. Do đó, yêu cầu: “phải ra sức củng cố miền Bắc về mọi mặt, phải làm cho miền Bắc vững mạnh và tiến lên mãi”. Quán triệt sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh, tại Đại hội III (1960), Đảng đã vạch ra đường lối tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược: “Hai nhiệm vụ chiến lược ấy có quan hệ mật thiết với nhau và có tác dụng thúc đẩy lẫn nhau”. Đường lối đó không chỉ thể hiện ý chí độc lập, khát vọng tự lực tự cường của dân tộc mà còn minh chứng cho bản lĩnh, tầm nhìn, trí tuệ kiệt xuất của Hồ Chí Minh trong giải quyết mối quan hệ biện chứng giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Với đường lối đó, tinh thần yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân đã được phát huy cao độ. Thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam trong những năm 1954-1975 chứng minh tính khoa học và sự đúng đắn của đường lối tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược của Đảng.

Trong quá trình phát triển đất nước, dù có những thời điểm bối cảnh đất nước đặt ra thử thách về việc lựa chọn con đường nhất là cuối thập niên 80, đầu thập niên 90 của thế kỷ XX, khi mô hình chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô sụp đổ, cách mạng thế giới lâm vào thoái trào nhưng Đảng Cộng sản Việt Nam vẫn luôn kiên định thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

4.2. GIÁ TRỊ THỰC TIỄN

4.2.1. Hiện thực hóa khát vọng của nhân loại tiến bộ về thực hiện độc lập, tự do, hạnh phúc

Thứ nhất, độc lập, tự do, hạnh phúc là “ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”

Thứ hai, độc lập, tự do, hạnh phúc là hướng tới xây dựng một thế giới mới theo lý tưởng tốt đẹp của chủ nghĩa xã hội

4.2.2. Khẳng định tính đúng đắn của đường lối chính trị: Giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội

Thực tiễn lịch sử cách mạng Việt Nam chứng tỏ, không xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc thì không đủ lực lượng để giúp đỡ cho tiền tuyến lớn ở miền Nam và không có tiền tuyến lớn của miền Nam thì không thể bảo vệ được miền Bắc trước âm mưu xâm lược của kẻ thù.

Với hậu phương miền Bắc vững chắc đã cổ vũ, động viên, thôi thúc đồng bào miền Nam quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược để cả nước đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội; đủ sức người, sức của để chi viện cho chiến trường miền Nam. Đối với đồng bào miền Nam, tất cả niềm tin, sự tin tưởng, tình cảm của đồng bào miền Bắc là động lực thôi thúc mỗi người dân quyết tâm dõng dạc, đập bằng bất cứ trở ngại nào, hoàn thành bất cứ nhiệm vụ nào, đánh bại bất cứ kẻ thù nào.

Đánh giá về thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Đại hội IV (1976) của Đảng khẳng định: Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là thắng lợi của cả hai chiến lược cách mạng được tiến hành đồng thời và kết hợp chặt chẽ với nhau: cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc.

4.2.3. Đặt nền móng cho việc xây dựng và hiện thực hóa mô hình chủ nghĩa xã hội phù hợp với thực tiễn Việt Nam

Hồ Chí Minh lãnh đạo hiện thực hóa mô hình chủ nghĩa xã hội từ khát vọng thành hiện thực trong điều kiện đất nước với đặc điểm to nhất là từ một nước nông nghiệp lạc hậu *tiến thẳng* lên chủ nghĩa xã hội không phải kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Đặc điểm đó chi phối đến toàn bộ phương thức, bước đi và biện pháp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

Căn cứ vào tình hình thực tế, Hồ Chí Minh xác định nội dung, bước đi, hình thức quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội phù hợp. Theo đó, con đường đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là một quá trình cải biến toàn diện xã hội, trong đó, khó khăn là tất yếu vì phải xây dựng một xã hội hoàn toàn mới xưa nay chưa từng

có trong lịch sử dân tộc; phải thay đổi triệt để những nếp sống, thói quen, ý nghĩ và thành kiến có gốc rễ sâu xa hàng ngàn năm.

Kết quả, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội đạt được những thành quả đáng kể. Nhiều khu công nghiệp lớn đã và đang hình thành. Xuất hiện những cơ sở đầu tiên của các ngành công nghiệp nặng quan trọng: điện, than, cơ khí, luyện kim, hóa chất, vật liệu xây dựng; đồng thời xây dựng được một số ngành công nghiệp nhẹ; mạng lưới giao thông phát triển. Trong lĩnh vực nông nghiệp, phong trào hợp tác hóa đạt được những kết quả tích cực. Đặc biệt, sự nghiệp giáo dục, văn hóa, y tế phát triển với tốc độ cao.

Đánh giá về công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, Đại hội IV của Đảng khẳng định: Những thành tựu và biến đổi ấy còn thấp so với những mục tiêu của chủ nghĩa xã hội. Song, trong hoàn cảnh miền Bắc vừa phải đương đầu với hàng triệu tấn bom đạn của đế quốc Mỹ, vừa không ngừng cung cấp sức người, sức của cùng đồng bào miền Nam đánh giặc, cứu nước, đồng thời gánh vác nghĩa vụ quốc tế, thì những thành tựu đạt được là những kỳ tích mà người ta không thể nào tưởng tượng bên ngoài quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội.

4.2.4. Khơi dậy và phát huy sức mạnh toàn dân tộc trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa

Ở miền Bắc, với nhiệm vụ vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa làm hậu phương cho tiền tuyến lớn ở miền Nam. Để hoàn thành trọng trách lịch sử, Người kêu gọi đoàn kết đại đa số nhân dân, mà đại đa số nhân dân là công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác. Phải biến quyết tâm của Đảng, của Trung ương thành quyết tâm của mỗi đảng viên, mỗi chiến sĩ, mỗi người dân.

Ở miền Nam, lãnh đạo phát huy sức mạnh toàn dân thông qua đường lối chiến tranh nhân dân. Chủ trương xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, kết hợp đấu tranh chính trị - đấu tranh vũ trang - đấu tranh ngoại giao, phối hợp hợp lực lượng vũ trang với lực lượng chính trị của quần chúng; kết hợp nổi dậy, làm chủ và tấn công; tấn công trên cả ba vùng chiến lược đồng bằng, đô thị và miền núi.

Vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng và bài học từ hoạt động thực tiễn của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng luôn quán triệt sâu sắc và thực hành triệt để quan điểm “Dân là gốc” và không ngừng củng cố, tăng cường đại đoàn kết, coi đó là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam.

4.2.5. Kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, tranh thủ sự ủng hộ quốc tế đối với cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam

Xác định cách mạng Việt Nam là một bộ phận của lực lượng hoà bình dân chủ, xã hội chủ nghĩa trên thế giới. Người rất coi trọng xây dựng và củng cố khối

đại đoàn kết, nhất là sự ủng hộ và giúp đỡ của các nước và xem đó là một nhân tố quan trọng bảo đảm thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Để bạn bè quốc tế và chính nhân dân Mỹ hiểu, đồng tình và ủng hộ sự nghiệp đấu tranh chính nghĩa của nhân dân Việt Nam, Hồ Chí Minh kiên trì thực hiện ngoại giao “tâm công” với nhân dân Mỹ và các nước Á - Phi - Mỹ Latinh, các lực lượng xã hội chủ nghĩa, phong trào hòa bình và dân chủ trên toàn thế giới. Qua đó, nâng tầm cuộc kháng chiến của Việt Nam thành biểu tượng thời đại; cô lập các kẻ thù; tạo ra thế và lực quốc tế ngày càng có lợi cho cách mạng Việt Nam.

Mặc dù đánh giá cao sự ủng hộ và giúp đỡ của các nước, song điểm đặc sắc trong tư duy của Hồ Chí Minh là Người luôn nhấn mạnh phương châm: Tự lực cánh sinh là chính, việc các nước bạn giúp ta là phụ.

Vận dụng sáng tạo những giá trị trong tư tưởng và hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong thời kỳ đổi mới (từ năm 1986) đến nay, Đảng luôn coi trọng kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong hội nhập quốc tế, Đảng luôn chú trọng mối quan hệ giữa giữ vững độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng; sự cần thiết phải tăng cường nội lực để bảo đảm hội nhập thành công.

Dưới ánh sáng giá trị lý luận và thực tiễn tư tưởng Hồ Chí Minh về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, hoạt động đối ngoại của Việt Nam đạt được những thành tựu to lớn, trong đó đã tạo được sự chuyển biến quan trọng trong hoạt động hợp tác với các nước láng giềng, khu vực. Đến năm 2025, Việt Nam hiện có quan hệ ngoại giao với 195 quốc gia và vùng lãnh thổ, có quan hệ đối tác chiến lược, đối tác toàn diện với 38 quốc gia, trong đó có quan hệ đối tác chiến lược, đối tác chiến lược toàn diện với cả 5 nước Ủy viên Thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, 7 nước công nghiệp phát triển hàng đầu thế giới (G7) và 17/20 nền kinh tế lớn nhất thế giới (G20).

Tiểu kết chương 4

Hoạt động lãnh đạo mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969 của Hồ Chí Minh góp phần quyết định vào thắng lợi của cách mạng Việt Nam, thắng lợi to lớn của sự nghiệp chống Mỹ cứu nước gắn liền với tên tuổi và sự nghiệp của Người. Người không chỉ kiến tạo, khai mở nhận thức mà còn dẫn dắt, truyền cảm hứng về tầm nhìn, định hướng cho quá trình hiện thực hóa mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội thông qua các hoạt động thực tiễn vô cùng phong phú. Từ những hoạt động lãnh đạo của Hồ Chí Minh đã để lại những giá trị, bài học sâu sắc về phương pháp lãnh đạo, cách thức xử lý, giải quyết sáng tạo mọi vấn đề của quá trình hiện thực hóa mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

KẾT LUẬN

Thực hiện luận án “*Hồ Chí Minh lãnh đạo thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969*”, Nghiên cứu sinh rút ra một số kết quả sau:

Một là, Hồ Chí Minh lãnh đạo thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969 trong bối cảnh trong nước và thế giới có nhiều thuận lợi, song cũng đặt ra nhiều thách thức, với đặc điểm nổi bật là một Đảng lãnh đạo thực hiện hai nhiệm vụ cách mạng nhằm một mục tiêu chung là giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Điều này đã tác động sâu sắc đến việc lãnh đạo xây dựng đường lối và tổ chức thực hiện mục tiêu cách mạng Việt Nam của Đảng Lao động Việt Nam và Hồ Chí Minh.

Hai là, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, căn cứ vào thực tiễn cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh đã nhận thức sâu sắc và xác định con đường tiến lên của cách mạng Việt Nam là tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam để đi đến thống nhất đất nước. Những định hướng của Người là cơ sở lý luận, nền tảng tư tưởng để Đảng đề ra đường lối cách mạng Việt Nam tại Đại hội III (1960).

Ba là, trên cơ sở đường lối cách mạng chung được xác định, Hồ Chí Minh xác định các biện pháp thực hiện và tổ chức lãnh đạo thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên các lĩnh vực của đời sống xã hội. Những quan điểm và hoạt động thực tiễn của Hồ Chí Minh không chỉ góp phần định hình đường lối cách mạng Việt Nam trong giai đoạn lịch sử đặc biệt này, mà còn tạo ra những bước ngoặt có ý nghĩa chiến lược, mở đường cho thắng lợi của cách mạng Việt Nam tiến lên giành những thắng lợi vẻ vang.

Bốn là, từ những hoạt động lãnh đạo thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969 của Hồ Chí Minh có giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc. Những giá trị đó đã, đang và sẽ tiếp tục soi đường cho sự nghiệp cách mạng của Đảng, dân tộc và Nhân dân Việt Nam; là cơ sở, là niềm tin vững chắc để toàn Đảng, toàn quân, toàn dân Việt Nam tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, phấn đấu đến năm 2030 trở thành nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045 trở thành nước phát triển, có thu nhập cao, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Trần Thị Thúy (2024), “Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo khôi phục và phát triển kinh tế ở miền Bắc, giai đoạn 1954-1969”, *Tạp chí Nghiên cứu Hồ Chí Minh*, Số 64 (7-8/2024), tr.21-27.
2. Trần Thị Thúy (2024), “Quan điểm của Hồ Chí Minh về thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, Số đặc biệt, Quý IV-2024, tr.33-38.
3. Trần Thị Thúy (2025), “Ảnh hưởng của bối cảnh lịch sử đến hoạt động lãnh đạo cách mạng Việt Nam của Chủ tịch Hồ Chí Minh từ năm 1954 đến năm 1969”, *Tạp chí Thông tin khoa học chính trị*, Số 05 (47)-2025, tr.8-14.
4. Trần Thị Thúy (2023), “Phát huy trách nhiệm tự giác nêu gương của đảng viên trong đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng”, *Tạp chí Thông tin khoa học chính trị*, Số 2 (32)-2023, tr.76-82.
5. Trần Thị Thúy (2024), “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo quan điểm chỉ đạo của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng”, *Tạp chí Giáo dục lý luận*, Số 369 (3/2024), tr.31-35.